

NỘI DUNG ÔN THI – NV NHTM - 2017

Phần 1: Lý thuyết

1/ NHTM là gì? Hoạt động ngân hàng là gì ? Tổ chức tín dụng là gì ? tổ chức tín dụng bao gồm những đơn vị nào ?

* Ngân hàng thương mại là loại hình **tổ chức tín dụng** (TCTD) được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan nhằm mục tiêu lợi nhuận.

* Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

“ TCTD là doanh nghiệp được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng.

“ TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân”

– **TCTD phi ngân hàng** bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các TCTD phi ngân hàng khác. TCTD phi ngân hàng không được nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng.

– **Tổ chức tài chính vi mô** là loại hình TCTD chỉ phục vụ nhu cầu của cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.

– **Quỹ tín dụng nhân dân** là TCTD được thành lập dưới hình thức hợp tác xã với mục tiêu chủ yếu là tương trợ phát triển sản xuất kinh doanh, đời sống giữa các thành viên (cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình).

2 Nghiệp vụ vốn tự có: Khái niệm, nguồn hình thành, đặc điểm, sử dụng ?

KN: Vốn tự có là vốn chủ sở hữu của NHTM bao gồm: vốn điều lệ, các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, lợi nhuận không chia và một số tài sản nợ khác theo quy định của ngân hàng Nhà Nước.

Nguồn hình thành vốn tự có :

- Vốn của chủ sở hữu khi ngân hàng mới thành lập.

- Nguồn vốn bổ sung hằng năm từ lợi nhuận kinh doanh, từ vốn góp thêm của chủ sở hữu.

Đặc điểm:

- Có tính ổn định cao và không ngừng gia tăng.

- Tỷ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò rất quan trọng.

Sử dụng:

- Đầu tư vào tài sản cố định.

- Đầu tư vào các lĩnh vực khác.

- Cho vay.

3/ Nghiệp vụ huy động vốn: KN, nguồn hình thành, đặc điểm, sử dụng

KN: **Vốn huy động** là vốn của các chủ thể khác trong nền kinh tế được ngân hàng tạm thời quản lý và sử dụng kinh doanh trong một thời gian nhất định sau đó sẽ hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

Nguồn hình thành :

- Nhận tiền gửi của khách hàng;

- Nhận tiền tiết kiệm;

- Phát hành chứng từ có giá.

Đặc điểm:

- Nguồn vốn không ổn định.

- Nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Sử dụng :

- Thiết lập dự trữ.

- Cấp tín dụng cho nền kinh tế.

4/ Huy động vốn: Khái niệm, đặc điểm ?

*** Khái niệm**

- HĐV là 1 NV tạo nên nguồn vốn kinh doanh của NHTM thông qua việc ngân hàng nhận ký thác và quản lý các khoản tiền từ khách hàng theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- Số vốn NH huy động được là nguồn vốn từ các chủ thể khác ở bên ngoài, các chủ thể đó ký thác các tài sản bằng tiền của mình cho ngân hàng và ngân hàng khi tiếp nhận được tạm thời quản lý và sử dụng số vốn đó cho hoạt động kinh doanh của mình.

*** Đặc điểm : 5 đặc điểm**

- Chủ thể tham gia: có 2 chủ thể là khách hàng (tổ chức, cá nhân) và ngân hàng thương mại tạo ra sản phẩm HĐV và tiếp nhận tiền của KH
- Hình thức huy động vốn: phong phú và đa dạng để đáp ứng nhu cầu gọi tiền như để thanh toán, sinh lợi, an toàn, ...
- Tính hoàn trả khi KH phát sinh nhu cầu rút vốn.
- Nguồn vốn huy động chiếm tỷ trọng lớn trong ngân hàng (80→90%) để tạo lập nguồn vốn trong ngân hàng sử dụng trong kinh doanh.
- Việc huy động vốn phụ thuộc vào tín nhiệm của ngân hàng, không có tín nhiệm sẽ không thu hút được tiền gọi.

5/ Huy động vốn: Nguyên tắc huy động vốn, vai trò của nghiệp vụ HĐV, các nhân tố ảnh hưởng đến HĐV ?

*** Nguyên tắc huy động vốn: 3 nguyên tắc**

- Ngân hàng bắt buộc phải mua bảo hiểm tiền gọi
- Hoàn trả cả gốc và lãi.
- Bảo mật thông tin về tài khoản và thông tin cá nhân về khách hàng. Chỉ có chủ tài khoản mới biết được thông tin về tài khoản của mình.

*** Vai trò của nghiệp vụ huy động vốn**

*** Đối với nền kinh tế:**

- HĐV là kênh cung ứng vốn cho nền kinh tế thông qua việc tiếp nhận tập hợp nguồn vốn nhỏ lẻ nhàn rỗi và cấp tín dụng cho những chủ thể thiếu vốn cho nền kinh tế.
- HĐV góp phần kiểm soát lạm phát. KH gọi tiền vào NH → hạn chế TM trong lưu thông → hút được lượng tiền thừa trong lưu thông.
- HĐV cung cấp hàng hóa cho thị trường tài chính như việc phát hành GTCG do ngân hàng phát hành (kỳ phiếu, trái phiếu, CCTG...)

*** Ngân hàng thương mại;**

- mang lại NV chủ lực trong NH. Vì vốn tự có NH sử dụng trong đầu tư TSCĐ, đầu tư dự án, đầu tư vào Cty con
- HĐV giúp cho NH thu hút thêm được KH đến với NH để nâng cao uy tín thương hiệu nếu nâng cao chất lượng dịch vụ.

* **Khách hàng:** gọi tiền ở NH xem như kênh đầu tư an toàn, hệ số rủi ro gần như bằng không KH có thể tích lũy được thu nhập của mình.

6/ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến HĐV của NHTM ?

* **Môi trường kinh tế chính trị xã hội:** chính trị có ổn định hay không ổn định, về kinh tế tùy theo giai đoạn phát triển hay suy thoái. ...

* **Ngân hàng thương mại:** các nhân tố bên trong ngân hàng như lãi suất hay mạng lưới, chất lượng dịch vụ ...

*** Khách hàng:** có 3 yếu tố

- Thu nhập: cao thì có thể tích lũy để gọi vào ngân hàng
- Thói quen tiêu dùng: tiêu dùng ít thì tích lũy nhiều
- Tâm lý của khách hàng : thích mạo hiểm để hưởng tỷ suất sinh lời cao hơn hay thích an toàn thì gọi vào ngân hàng.

Phần 2: Bài tập

Bài 1: Tiền gửi thanh toán

Tình hình nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi của khách hàng như sau: (đvt: VND)

Ngày	Số dư đầu kỳ	600.000.000
03/02/2012	Chi lương tháng 2	100.000.000
05/02	Thu tiền bán hàng	150.000.000
15/02	Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại	30.000.000
15/02	Thu nợ công ty A	80.000.000
20/02	Thanh toán tiền mua NVL	400.000.000
03/03	Chi lương tháng 3	200.000.000
10/03	Thu tiền bán hàng của KH A	150.000.000
18/03	Thu tiền bán hàng	50.000.000
25/03	Thưởng nhân viên	30.000.000

Biết NH **tính lãi vào ngày 25 hàng tháng**, LS tiền gửi không kỳ hạn là **0,4%/tháng**

1/ Tính lãi tiền gửi tháng 2 ?

2/ Số dư tài khoản đầu kỳ tháng 3?

3/ Lãi tiền gửi tháng 3 ?

4/ Số dư tài khoản cuối tháng 3?

Ngày	Số dư đầu kỳ		SỐ DƯ	SN	Tích số	Lãi
26-01-2012 --> 02/02/2012			600,000,000	8	4,800,000,000	
03-02-2012 --> 04/02/2012	Chi lương tháng 2	100,000,000	500,000,000	2	1,000,000,000	
05/02 --> 14/02/2012	Thu tiền bán hàng	150,000,000	650,000,000	10	6,500,000,000	
15-02 --> 19/02/2012	Thu nợ công ty A	80,000,000	700,000,000	5	3,500,000,000	
20-02 --> 25/02/2012	Thanh toán tiền mua NVL	400,000,000	300,000,000	6	1,800,000,000	
					17,600,000,000	2,346,667
	lãi tháng 2	2,346,667	302,346,667	7	2,116,426,667	
03-03 --> 09/03/2012	Chi lương tháng 3	200,000,000	102,346,667	7	716,426,667	
10-03 --> 17/03/2012	Thu tiền bán hàng của KH A	150,000,000	252,346,667	8	2,018,773,333	
18-03 --> 24/03/2012	Thu tiền bán hàng	50,000,000	302,346,667	7	2,116,426,667	
25-03 --> 25/03/2012	Thưởng nhân viên	30,000,000	272,346,667	1	272,346,667	
	lãi tháng 3	965,387	273,312,053		7,240,400,000	965,387

Bài 2: Tiền gửi thanh toán

Lãi suất tiền gửi thanh toán 0,25%/tháng. Ngân hàng tính lãi vào ngày cuối tháng. Đơn vị tính: đồng.

Ngày	Diễn giải	gửi - rút
02/07/2014	gửi vào	20,000,000
11/07/2014	Trả tiền học	5,000,000
19/07/2014	Thu nợ từ Tiền	3,000,000

21/07/2014	Trả tiền dịch vụ	2,500,000
26/07/2014	Chuyển khoản	4,000,000
29/07/2014	Nhận lương đợt 1	5,000,000

1/ Số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán vào ngày 25/7/2014

2/ Tiền lãi nhận được trong tháng 7/2014

Bài 3: Tiền gửi tiết kiệm

Một khách hàng gửi tiết kiệm số tiền là 300.000.000đ, thời hạn 3 tháng (27/05 – 27/08), lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng là 15%/năm, lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0.4%/tháng.

1/ Số tiền khách hàng nhận được khi đáo hạn ?

T05 : 31 – 27 + 1 = 5

T06 : 30

T07 : 31

T08 : 26

CỘNG : 92

Tiền lãi: $300.000.000 \times 15\% / 360 \times 92 = 11.500.000$

ST nhận được : 311.500.000

2/ Nếu như đến ngày 20/06, KH đến ngân hàng xin rút trước hạn số tiền trên, hỏi KH nhận được bao nhiêu tiền ?

27/05 → 20/06 : 31 – 27 + 1 + 19 = 24

$300.000.000 \times 0.4\% / 30 \times 24 =$

3/ Nếu đến ngày 20/09 Khách hàng mới đến nhận thì khách hàng nhận được bao nhiêu tiền ?

27/08 → 20/09 : 31 – 27 + 1 + 19 = 24

Lãi KKH : $311.500.000 \times 0.4\% / 30 \times 24 = 996.800$

ST nhận được : $311.500.000 + 996.800 = ?$

HMTD = NC VLD – Vốn LD ròng – Vốn tự có – NV khác

+ Nhu cầu VLD = Tổng CP SXKD (GVHB) / Vòng quay VLD

Trong đó: Vòng quay VLD₂₀₀₈ = Tổng DT thuần / TS ngắn hạn BQ

+ Vốn LD ròng = TS ngắn hạn – Nợ ngắn hạn

+ Vốn tự có : Quỹ ĐTPT + Quỹ DPTC + Quỹ KTPL + Lãi chưa PP...

+ Nguồn vốn khác : Vay NH khác

Bài 4

Công ty XYZ trình hồ sơ kế hoạch vay vốn tại NH ABC:

1/ KH năm 2014: SL thóc thu mua trên thị trường cả năm: 2.000 tấn. Giá thu mua BQ năm: 2.5 trđ/tấn.

2013:- Doanh thu năm 2013 : 4.000 trđ

- : 2013: 600.000.000 2013 : 700.000.000

31/12/2013

- : 700.000.000 - : 500.000.000

- : 25.000.000 - : 5.000.000

- : 50.000.000 - : 40.000.000

: : 10.000.000 + Vay NH ABC: 30.000.000

4/ Năm 2014 phấn đấu tăng tốc độ luân chuyển VLD 10%.

Yêu cầu:

1/ Xác định tổng CP SXKD năm kế hoạch ?

CP SXKD năm kế hoạch = 2.000 tấn X 2.5 trđ/tấn = 5 TỶ

2/ Xác định tài sản ngắn hạn bình quân năm 2013 ?

tài sản ngắn hạn bình quân = (700 + 600 =) / 2 = 650

3/ Xác định vòng quay VLD năm 2013 ?

vòng quay VLD 2013 = 4.000 / 650 = 6.15 vòng

4/ Xác định vòng quay VLD năm kế hoạch ?

6,15 x 1.1 = 6.765

5/ Xác định vốn lưu động ròng ?

vốn lưu động ròng = 700 - 500 = 200 tr

6/ Xác định vốn tự có ?

vốn tự có = 25 + 5 + 50 = 80tr

7/ Xác định nhu cầu vốn lưu động ?

5.000 tr / 6,765 = 739,0983 tr

8/ Xác định vốn khác (nếu có) ?

vốn khác = vay NH khác : 10 tr

9/ Xác định nhu cầu vay vốn lưu động (HMTD) ?

HMTD = 739,0983 tr - 200 tr - 80tr - 10 tr = 449,0983

10/ Hạn mức còn lại của công ty XYZ ?

449,0983 - 30 = 419,0983

Bài 5

: (ĐVT: 1.000đ)

2009

: 3.100.000

2008:

1. Doanh thu năm 2008

: 216.400.000

: 30.400.000

: 2008: 30.500.000

2008: 31.500.000

31/12/2008

: 31.500.000

: 25.500.000

: 3.800.000

: 2.200.000

- : 2.950.000

: 1.850.000

: 15.600.000

: - : 1.600.000, - Vay NH Kiên Long: 14.000.000

⋮

ừ

Bài làm:

2009 cho Cty

HMTD = Nhu cầu VLD - Vốn LĐ ròng - Vốn coi như tự có - NV khác

* **Vòng quay VLD₂₀₀₈ = Tổng doanh thu thuần / TS ngắn hạn BQ**

= (216.400.000 - 30.400.000) : (30.500.000 + 31.500.000) / 2 = 6 vòng

* **Vòng quay VLD₂₀₀₉ = 6 + 6 x 5% = 6 x (1+5%) = 6,3 vòng**

Nhu cầu VLD₂₀₀₉ = Tổng CP SXKD / Vòng quay VLD

= (Tổng CP KH - CP phi SX) : Vòng quay VLD

= (210.370.000 - 3.100.000) / 6,3 = 32.900.000đ

* **Vốn LĐ ròng = TS ngắn hạn - Nợ ngắn hạn**

$$= 31.500.000 - 25.500.000 = 6\text{trđ}$$

*** Vốn tự có : Quỹ ĐTPT + Quỹ DPTC + Quỹ KTPL + Lãi chưa PP...**

$$= 3.8\text{tr} + 2.2\text{tr} + 2.95\text{tr} + 1.85\text{tr} = 10,8\text{trđ}$$

*** NV khác : Vay NH khác = 1.600.000 đ**

$$\text{HMTD} = 32.900.000\text{đ} - 6.000.000\text{đ} - 10.800.000\text{đ} - 1.600.000\text{đ} = 14.500.000\text{đ}$$

ừ

$$+ \text{HMTD còn lại của Cty là: } 14.500.000 - 14.000.000 = 500.000\text{đ}$$

→ NH sẽ giải ngân tối đa là 500.000 đ nếu Cty có nhu cầu vay vốn

Bài 6: Bài tập cho vay dài hạn

NH ACB xem xét cho công ty XYZ vay để thực hiện hợp đồng XK đã kí với nước ngoài. Dự toán CP thực hiện hợp đồng như sau:

- Chi phí NVL	3,35 tỷ đồng	- Chi phí nhân công	1 tỷ đồng
- KHTSCĐ	500 triệu đồng	- Chi phí khác	150 triệu

Yêu cầu:

1/ **Hãy tính nhu cầu VLĐ của Cty XYZ**

2/ Giả sử Cty có thể sử dụng các nguồn sau để tham gia vào dự án xuất khẩu này:

+ Quỹ dự phòng tài chính	300 triệu		
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	200 triệu	+ LN giữ lại	500 triệu

Hãy tính nhu cầu vay vốn của Cty XYZ

3/ Giả sử Cty có các tài sản đảm bảo nợ vay cho dự án này như sau: (số liệu do NH ACB định giá):

+ Nhà cửa	3 tỷ	+ Máy móc thiết bị	1 tỷ
+ Quyền sử dụng đất nông nghiệp	2 tỷ		

Khi thẩm định hồ sơ cho vay, NH ACB và Cty XYZ đã thống nhất tỷ lệ đảm bảo đối với từng TSĐB như:

+ Nhà cửa:	70%	+ Máy móc thiết bị:	30%
+ Quyền sử dụng đất nông nghiệp	30%		

Hãy tính số tiền mà NH có thể tài trợ tối đa cho dự án này.

4/ Giả sử ngày 15/01/2012 NH ACB giải ngân số tiền CV 3 tỷ đồng cho Cty XYZ với các điều kiện sau:

- Thời hạn cho vay là 3 tháng	- Lãi suất cho vay 12%/năm
- Cơ sở tính lãi 360 ngày/năm	- Lãi vay tính theo dư nợ cho vay thực tế

Hãy xác định:

a/ Giả sử Cty XYZ đề nghị tắt toán nợ vay vào ngày đáo hạn, hãy xác định số tiền phải thu của NH ACB vào thời điểm này.

b/ Giả sử khoản vay trên quá hạn. Ngày 20/5/2012 Cty XYZ đề nghị tắt toán khoản vay. Hãy xác định số tiền phải thu vào thời điểm này, biết LS quá hạn được áp dụng trên vốn gốc và lãi vay như nhau, LS quá hạn = 150% LS cho vay.

c/ Giả sử nợ gốc được thu thành 3 kỳ:

Kỳ 1: Ngày 15/2, số tiền: 1.5 tỷ Kỳ 2: Ngày 15/3, số tiền: 1 tỷ Kỳ 3: Ngày 15/4 số tiền còn lại

Hãy tính vốn gốc và lãi vay mà Cty XYZ phải trả cho từng kỳ hạn.

Bài làm

1/ Nhu cầu vốn VLĐ

$$= (3,35\text{ tỷ} + 1\text{ tỷ} + 0,5 + 0,15\text{ tỷ}) - 0,5 = 4,5\text{ tỷ}$$

2/ Nhu cầu vốn vay = tổng CPSXKD – vốn tự có tham gia

$$= 4,5\text{ tỷ} - (0,3\text{ tỷ} + 0,2\text{ tỷ} + 0,5\text{ tỷ}) = 3,5\text{ tỷ}$$

3/ Giá trị tài sản đảm bảo:

$$3\text{tỷ} \times 70\% + 1\text{tỷ} \times 30\% + 2\text{tỷ} \times 30\% = 3\text{tỷ}$$

⇒ số tiền tối đa NH tài trợ là 3 tỷ.

4/ a/ số tiền của NH ACB vào ngày đáo hạn (n: từ ngày 15/01/2012 đến 14/04/2012 là 91 ngày)

$$V_n = V_0(1 + nv) = 3\text{tỷ} (1 + 91/360 \times 12\%) = 3.091.000.000\text{đ}$$

b/ số tiền lãi vay qua hạn của Cty, NH phải thu từ ngày 15/4/2012 đến 19/5/2012 là 35 ngày

- Tháng 4 : 15/04 → 30/04/12 : 16

- Tháng 5 : 01/05 → 19//05 : 19

Cộng 35

$$r = 150\% \times 12\% = 18\% \quad V_0 = 3.091.000.000\text{đ}$$

$$V_n = V_0(1 + nv) = 3.091.000.000 (1 + 35/360 \times 18\%) = 3.145.092.500\text{đ}$$

c/ số tiền gốc và lãi được trả cho từng kỳ:

* Kỳ 1: ngày 15/01/2012 đến 14/2/2012 (là 31 ngày) số tiền 1,5 tỷđ

$$I = V_0 \times n \times v = 1,5\text{tỷ} \times 31 \times \frac{12\%}{360} = 31.000.000\text{đ}$$

* Kỳ 2: ngày 15/02/2012 đến 14/3/2012 (là 29 ngày) số tiền 1 tỷ đ

$$I = V_0 \times n \times v = 1\text{tỷ} \times 29 \times \frac{12\%}{360} = 14.500.000\text{đ}$$

* Kỳ 3: ngày 15/3/2012 đến 14/4/2012 (là 31 ngày) số tiền 0,5, tỷ đ

$$I = V_0 \times n \times v = 0,5\text{tỷ} \times 31 \times \frac{12\%}{360} = 5.166.667\text{đ}$$